

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Tấn Đồng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Phẩm**

2. Ông **Lê Thành Tam**

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Hoài Bảo**, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn K, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày: Vào năm 2011, bà và ông Phạm Văn K kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 29 tháng 10 năm 2012. Bà V cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K thường xuyên ăn nhậu và còn dùng vũ lực đánh đập, xúc phạm danh dự nhân phẩm bà và gia đình bà. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên bà và ông K đã ly thân từ đó đến nay. Bà V xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về nuôi con chung bà V xác định bà và bà ông K có 02 (hai) người con chung tên Phạm Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 25/9/2012 và Phạm Nguyễn Cát T, sinh ngày 24/02/2015. Khi ly hôn bà V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và bà không yêu cầu ông K cấp D nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà V đã cung cấp cho Tòa án Trích lục kết hôn số: 36/TLKH-BS, ngày 20 tháng 02 năm 2024 (bản sao) và 02 (hai) giấy khai sinh mang tên Phạm Nguyễn Hoàng Q và Phạm Nguyễn Cát T (bản photo có chứng thực).

Tại các bản khai ý kiến cùng ngày 02/01/2025, Phạm Nguyễn Hoàng Q và Phạm Nguyễn Cát T cùng trình bày: Trường hợp cha mẹ ly hôn thì Hoàng Q và Cát T yêu cầu được sống với mẹ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn ông K biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của bà V. Nhưng ông K không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 10 tháng 02 năm 2025; ngày 24 tháng 02 năm 2025; phiên tòa ngày 13 tháng 5 năm 2025 và phiên tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tổng đạt triệu tập họp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp ly hôn, về nuôi con là tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn ông K có nơi cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông K đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông K là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2012, bà V và ông K kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long ngày 29 tháng 10 năm 2012. Vì vậy hôn nhân của bà V và ông K là hợp pháp.

Xét; việc bà V cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K thường xuyên ăn nhậu và còn dùng vũ lực đánh đập, xúc phạm danh dự nhân phẩm bà và gia đình bà. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần để cho hai người đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không có kết

quả. Hơn nữa, hiện nay bà V xác định bà không còn tình cảm với ông K và hai người đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông K đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà V yêu cầu được ly hôn với ông K là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Từ khi bà V và ông K ly thân đến nay thì 02 người con chung tên Phạm Nguyễn Hoàng Q và Phạm Nguyễn Cát T do bà V nuôi dưỡng. Đồng thời, hiện nay Phạm Nguyễn Hoàng Q và Phạm Nguyễn Cát T có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, xét việc bà V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông Khả cấp D nuôi con là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.4] Về chia tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Cẩm V và ông Phạm Văn K.
2. Về nuôi con chung: Giao 02 (hai) người con chung tên Phạm Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 25/9/2012 và Phạm Nguyễn Cát T, sinh ngày 24/02/2015 cho bà Nguyễn Thị Cẩm V trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn K có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006177 ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, như vậy bà Nguyễn Thị Cẩm V không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Tân An Hội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tấn Đồng